



+ Tại Bản án số: 67/2005/HSST ngày 16/5/2005, Toà án nhân dân thành phố H xử phạt Hoàng Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

+ Tại Bản án số: 150/2010/HSST ngày 11/8/2010, Toà án nhân dân thành phố H xử phạt Hoàng Văn T 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42 ngày 14/12/2015, Công an tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng Văn T 7.500.000đ về hành cất giấu súng ngắn bắn bi sắt.

+ Tại Bản án số: 20/2022/HS-PT ngày 30/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng Văn T 46 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/01/2021, về tội Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Hoàng Văn T đang chấp hành hình phạt của bản án trên tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 02/01/2021 đến nay; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 34G T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Chị Lương Thị Thanh T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 42 C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***1. Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Ngọc L:***

Năm 2017, Hoàng Văn T trúng đấu giá chiếc xe ô tô Lexus 470 màu đen tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản Hải Dương; T làm thủ tục đăng ký tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hải Dương và được cấp đăng ký xe mang tên Hoàng Văn T, biển kiểm soát 34A-205.42. Cùng trong năm 2017, T mang xe ô tô cầm cố cho Nguyễn Hoài L1, sinh năm 1982 ở xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên để vay 500 triệu đồng. Khi cầm cố xe, T đưa giấy đăng ký, giấy đăng kiểm cho L1 cầm. Thời gian sau T thanh toán cho L1 số tiền vay để lấy xe ô tô cùng giấy tờ ra. Đến cuối năm 2017, T bán chiếc xe ô tô này cho anh Lê Văn H1, sinh năm 1986 ở xã Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Năm 2018, T không có xe ô tô để đi lại nên hỏi anh Nguyễn Hoài L1 có chiếc xe ô tô nào không thì để cho T sử dụng. L1 đồng ý và mang chiếc xe ô tô Lexus 470 màu đen có đeo biển số 34A-205.42 cho T sử dụng. L1 đưa cho T bộ giấy tờ xe gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe 34A- 205.42 mang tên Hoàng Văn T; Giấy chứng nhận kiểm định của xe 34A- 205.42 trùng với biển số và giấy tờ xe ô tô mà T đã bán trước đó. L1 bảo đây là giấy tờ xe giả, L1 làm giống với xe ô tô cũ của T để dễ đi lại, đỡ bị kiểm tra. T biết giấy tờ xe L1 đưa là giả nhưng vẫn nhận để sử dụng và đưa cho anh L1 500 triệu đồng. Khi giao xe ô tô, giấy tờ và tiền, T và L1 không làm hợp đồng, văn bản gì và không có ai chứng kiến, T sử dụng xe và giấy tờ xe đi lại quanh khu vực tỉnh Hải Dương.

Cuối năm 2018, T bị bắt đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng, đến ngày 26/3/2019 T chấp hành xong án phạt tù ra trại, về nhà. Do thiếu tiền

tiêu nên T mang chiếc xe ô tô Lexus 470 đeo biển số giả, giấy tờ giả cầm cố cho chị Lê Thị Ngọc L lấy tiền tiêu.

+ Lần 1 vào ngày 03/7/2019 sau đó đến 24/8/2019 T thanh toán trả cả gốc và lãi cho L để lấy xe ô tô cùng giấy tờ về.

+ Lần 2 là ngày 09/9/2019, T gọi điện cho L đến nhà để vay 500 triệu, cầm cố xe ô tô 34A-205.42 cùng giấy tờ xe. T viết giấy bán xe theo mẫu rồi ký tên, đưa lại cho L giữ và lấy chìa khóa xe, giấy đăng ký, giấy đăng kiểm xe ô tô 34A- 205.42 giả đưa cho L. L cầm giấy tờ xe do T đưa nhưng không biết là giấy tờ giả rồi đi xe ô tô Lexus 470 đeo biển số giả 34A-205.42 ra về, anh Lê Ngọc A (là em của chị L) giao tiền cho T. Đến hạn trả nợ, chị L đã nhiều lần yêu cầu T trả tiền lãi và khoản nợ 500 triệu đồng nhưng T viện nhiều lý do khác nhau không thanh toán trả tiền cho chị L, trong khi đó từ 01/1/2020 đến 31/3/2020 tài khoản ngân hàng của T nhận được nhiều nguồn tiền khác nhau như bà Phạm Thị L, sinh năm 1959 ở số 202 đường T, phường Q, thành phố H chuyển số tiền là 249.967.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 ở khu 10 phường B, thành phố H chuyển số tiền là 500 triệu đồng; ngày 19/11/2019 chị Hoàng Thị H ở Bắc Giang chuyển 300 triệu đồng; ngày 29/11/2019 trong tài khoản của T có số tiền 206.300.000đ; ngày 03/6/2020 T nộp vào tài khoản số tiền 190 triệu đồng... số tiền có trong tài khoản T sử dụng, tiêu sài vào nhiều mục đích cá nhân, trong đó có sử dụng vào mục đích đánh bạc trực tuyến, mà không thanh toán trả nợ 500 triệu đồng và số tiền lãi cho chị L theo thỏa thuận.

Đến ngày 18/11/2020, chị Lê Thị Ngọc L cho anh Kha Mạnh N sinh năm 1976 ở số nhà 5/15 Mạc Thị Bưởi, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh Hải Dương mượn chiếc xe ô tô Lexus 470 đeo biển số giả 34A- 205.42, anh N điều khiển trên tỉnh lộ 391 hướng thành phố H đi huyện Tứ Kỳ, bị công an tỉnh Hải Dương kiểm tra, phát hiện thu giữ chiếc xe ô tô cùng các tài liệu, giấy tờ liên quan. Ngày 18/11/2020, chị L có đơn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương yêu cầu làm rõ vụ việc và thu hồi số tiền 500.000.000 đồng.

## **2. Hành vi cưỡng đoạt tài sản:**

Tháng 6/2020, chị Lương Thị Thanh T1 sinh năm 1974 ở số nhà 42 phố C, thành phố H, tỉnh Hải Dương cộng tác với công ty Cổ phần công nghệ môi trường An Sinh (gọi tắt là công ty An Sinh) có địa chỉ ở Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nguy hại, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt trong công ty Shinyang Metal có địa chỉ tại khu công nghiệp Đại An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hoàng Văn T không có chức năng, nhiệm vụ gì trong việc thu gom rác phế liệu tại công ty Shinyang Metal, nhưng T yêu cầu ai vào công ty Shinyang Metal để thu mua, xử lý rác thải thì phải trao đổi và hàng tháng đưa tiền cho T thì mới được làm. Ngày 28/9/2020, T chỉ đạo Trần Khắc Q, Trần Thanh T2, Phùng Đức T3 và một số đối tượng khác đi ô tô đến cổng công ty Shinyang Metal nhằm mục đích chặn không cho xe chở rác của công ty An Sinh ra ngoài và gây sức ép với chị T1, yêu cầu chị T1 phải đưa cho T 30.000.000đ/tháng thì mới được thu gom rác. Sau khi bị nhóm T gây sức ép, ngày 27/11/2020 chị T1 chuyển khoản vào số tài khoản 0341005276789 của T tại ngân hàng Vietcombank số tiền 80 triệu. T không đồng ý việc chị T1 đưa 80 triệu đồng nên bảo Trần Khắc Q, Phùng Đức

T3 và Trần Thanh T2 đi tìm chị T1 để đánh. Do quen biết với chị T1 nên Trần Khắc Q nói với chị T1 nội dung T không đồng ý và yêu cầu chị T1 phải chuyển 150 triệu đồng thì T mới cho làm ăn và yêu cầu chị T1 chuyển tiếp 50 triệu nữa, số còn lại Q sẽ xin cho. Ngày 21/12/2020, chị T1 chuyển khoản 50 triệu vào tài khoản của Trần Khắc Q. Khi biết chị T1 chuyển tiền vào tài khoản của Q, T sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển 45 triệu vào tài khoản của mình; chuyển 1.950.000đ vào tài khoản số 0691000442471 mang tên Trịnh Thị Thanh và 3.000.000đ vào tài khoản số 1016322637 mang tên Tạ Huy H. Tổng số tiền T chiếm đoạt của chị T1 là 130.000.000 đồng, T sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Chị Lương Thị Thanh T1 có đơn tố cáo hành vi cưỡng đoạt tài sản của Hoàng Văn T (BL: 124,125, 144 - 164; 342-363; 408-421) 444-460; 463-470; 546-570; 577-598; 603-629; 633-664).

***Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương đã tiến hành giám định các tài liệu liên quan, kết quả thể hiện:***

- Tại bản Kết luận giám định số: 06 ngày 29/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Văn T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) là do cùng một người viết, ký ra.

- Tại bản Kết luận giám định số: 99 ngày 22/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (ký hiệu A1) là giả - giả phôi, hình dấu. Tem đăng kiểm (ký hiệu A2) là giả - giả tại phân biên số "34A-205.42", giả hình dấu. Tem nộp phí sử dụng đường bộ (ký hiệu A3) là giả - giả hình dấu.

- Tại bản Kết luận giám định số: 91 ngày 24/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 435288 (ký hiệu A) là giả toàn phần - giả phôi, hình dấu, chữ ký.

- Tại bản Kết luận giám định số: 134 ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận:

+ 1. Về số khung số máy: Hàng chữ số: ~JTJBT20X340031836~ đóng chìm ở khung xe và hàng chữ số: 2UZ\*0801798\* đóng chìm ở thân máy của xe ô tô gửi giám định ghi trên là các hàng chữ số được đục lại, đóng lại sau khi đã tẩy xóa các chữ số nguyên thủy của xe. Hàng chữ số nguyên thủy của xe là: Ở khung xe: ~JTJBT20XX80165006~. Ở thân máy: Không xác định được.

+ 2. Biển số xe ô tô 34A-205.42: (01 biển ngắn; 01 biển dài) gửi tới giám định có đặc điểm dấu vết hằn dập cảnh sát hiệu, các chữ số khác với vết hằn dập, các chữ số ở biển số xe ô tô thật (*mẫu so sánh do PC01- Công an tỉnh Hải Dương cung cấp*).

- Tại bản Kết luận giám định số: 35 ngày 05/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Hình dấu tròn nội dung "U.B.N.D PHUỜNG T" trên các tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1, A2*) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (*Ký hiệu M1-M5*) là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Chủ tịch Hoàng Văn Thăng



trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh (ký hiệu M1-M5) là do cùng một người ký ra.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương thu giữ 01 đĩa ghi âm thể hiện nội dung việc nói chuyện giữa chị Lương Thị Thanh T1 với Hoàng Văn T, giữa chị T1 với Trần Khắc Q. Có một số nội dung:

+ Giọng nữ: “*Thế nghĩa chị đang hiểu thế này, từ trước thằng Huỳnh nó làm nó vẫn phải trả em phần trăm*”; T “*Đúng rồi*”, Giọng nữ: “*Ông Sửu làm cũng phải trả?*”, T: “*Vẫn. Em là thằng, kể cả chị hỏi thằng Sửu trâu nhá, riêng bất kể nhà máy nào như thằng Shintang metal chuyển cho bất kể ai thì*”, Giọng nữ: “*Tức là em cũng phải có phần ở đây?*”, T “*Em vẫn phải có phần trăm vì cái nhà máy này em là người đầu tiên, coi như là làm từ đầu tiên, đến lúc bà Hương, ông Huy. Chị hỏi từ cái thời bà Hương, ông Huy luôn*”. Giọng nữ: “*Thật như cái nhà máy này, chị làm thì chị không biết trước nó làm với em như thế nào? Nhưng chị làm mấy tháng, thì thật ra chị nghe mức lương của em chị hơi giật mình*”, T “*Hỏi luôn kế toán của bọn thằng Huỳnh đến thằng Sửu trâu là Singtramental hàng tháng phải chuyển lương cho thằng T bao nhiêu tiền, mà hai thằng đấy em cũng đánh vào mặt chúng nó rồi chứ không phải điện trước cho chúng nó đâu*”, Giọng nữ: “*Chị biết như thế này, phải hết sức bình tĩnh, mà phải thương chị bởi vì là thôi để cho chị làm cách nào, từ hôm nọ đến nay chị cũng rất căng thẳng với các anh đấy. Anh Quý anh cứ bảo chị liên tục mà chị...*”, T “*Chị làm với chúng nó như thế, thế chị không tồn tại được đâu em nói thật*”.

+ Giọng nữ: “*Thôi, nói tóm lại anh cứ đi làm việc của anh đi. Em cũng không nói năng gì nữa và em cũng không gặp nó đâu. Nó thích làm gì thì làm. Nếu như lúc nó căng thẳng thực sự thì em sẽ gọi cho anh sau*”, Q: “*Nếu như thực sự căng thẳng anh xui em một kế nữa. Anh nói thẳng với nó như là anh nhắn tin cho mày đấy, anh bảo anh xui em. Nếu như việc này anh nói một đằng anh bớt của nó 20 triệu, một trăm rưỡi anh đưa em có trăm ba thì trước sau mày đưa tao, tao cũng không cầm*”. Giọng nữ “*Em nghĩ là anh với nó cũng nói chuyện với nhau xong xuôi rồi. Thống nhất với nhau là quan điểm như thế và tiền nong là như thế*”, Q “*Xong nó mới nói với anh là em gửi tiền cho anh này. Thì lúc đấy anh mới bỏ điện thoại ra, lúc ấy nó bảo ‘anh chuyển cho em’, thì anh đưa cả điện thoại của anh cho nó chuyển luôn. Thì có gì đâu, thẻ của anh chỉ có đúng 50 triệu của em chuyển cho anh thế thôi*”.

- Tại bản Kết luận giám định số: 1904/C09-P6 ngày 25/6/2021 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an đã kết luận: Các tệp âm thanh gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “T”, xưng là “em” trong các mẫu giám định Track01, Track02, Track03 (Ký hiệu là “T” trong Bản dịch nội dung) và tiếng nói của Hoàng Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông được gọi là “Q”, xưng là “anh” trong các mẫu giám định Track04, Track05, Track06 (Ký hiệu là “Q” trong Bản dịch nội dung) và tiếng nói của Trần Khắc Q trong mẫu so sánh là của cùng một người. Nội dung hội thoại trong mẫu giám định đã được chuyển thành văn bản. Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định 33 (ba mươi ba) trang A4.

Cơ quan điều tra thu giữ một số nội dung hội thoại tin nhắn trên Imessage giữa chị Lê Thị Ngọc L với Hoàng Văn T thể hiện: Ngày 07/10/2019, L nhắn “Cái xe 500t của anh ngày kia 1 tháng anh nhé. Gửi bớt lãi cho em trả người ta anh à”, T “Ừ, để vài hôm nữa anh thu xếp, đợt này anh nhiều việc quá, với lại còn đang không có xe đi lại nữa đây, cho lên anh đang cố gắng để xử lý cho xong đây mà”; ngày 10/11/2019, L nhắn “Anh ơi. Hôm qua hết tháng nữa chiếc xe 500t anh nhé. A có ít nào tạm cho em nhé, không anh đưa lãi chỗ này có 45 triệu thôi. Em trả người ta bớt đi. A nhé”; ngày 25/11/2019, L nhắn “Anh ơi mai gửi bớt lãi cho em nhé”, T nhắn “Để từ từ anh giải quyết việc chỗ con Duyên chi cục thuế xong rồi anh gửi, anh muốn trả em lắm chứ, để lấy xe về cho anh em chúng nó đi làm. Em yên tâm đi với anh em không phải nghĩ ngợi gì đâu, chỉ vì lúc này anh đang khó khăn”, ngày 10/12/2019 L nhắn “Anh ơi hôm qua là hết 3 tháng cái xe Lexus anh xem gửi bớt cho em nhé”, T nhắn “Anh biết rồi, em yên tâm từ nay đến tết anh phải giải quyết xong để lấy 2 cái xe chỗ em ra”; 15/01/2020 chị L nhắn “Anh ơi mong 9 rồi là 4 tháng chiếc Lexus nhé. Anh xoay tạm mấy trăm cho em trả người ta nhé”, T nhắn “Anh biết rồi anh đang đợi người ta chuyển tiền là anh lấy luôn, lấy trước tết mà em”, các ngày sau đó từ 29/01/2020 đến 14/10/2020, chị L nhắn tin đòi tiền T nhiều lần nhưng T luôn viện nhiều lý do để không trả tiền chị L.

- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương yêu cầu định giá tài sản xe Lexus 470 mà Hoàng Văn T thế chấp vay tiền chị Lê Thị Ngọc L. Tại Văn bản số 1680/CV-HĐĐG ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Hải Dương xác định: “Do tài sản định giá không xác định được nguồn gốc xuất xứ, không xác định được thông tin số máy nguyên thủy, vì vậy Hội đồng định giá không có đủ hiểu biết để xác định tính nguyên bản, chính hãng của tài sản định giá để so sánh với tài sản tương đương cùng chủng loại. Tại điểm c Điều 10 Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định: Hội đồng định giá được quyền từ chối định giá trong trường hợp: Nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình”.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phùng Đức T3, Trần Khắc Q, Trần Thanh T2 khai nhận hành vi như nêu trên. Bị cáo Hoàng Văn T khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T1; không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị L và hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS-P1 ngày 10/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị can Hoàng Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội Cường đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 4 Điều 175; điểm d, e khoản 2 Điều 170 và điểm e khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị can Trần Thanh T2 về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị can Trần Khắc Q, Phùng Đức T3 về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/9/2021 và ngày 13/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đề nghị cơ quan điều tra xem xét xử lý hành vi của bị cáo Hoàng Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 12/4/2022 (BL 2195 và 2265, 2274), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có

văn bản số 241/VKS-P2 giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Hoàng Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo khác trong vụ án (BL 2431). Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và xác định có thể xét xử bị cáo Hoàng Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự (BL 2457).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 18/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương căn cứ Điều 15, Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51 (*đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*), khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (*đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*); Điều 17, 38, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Cường đoạt tài sản; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 07 năm tù về tội Cường đoạt tài sản; 04 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là 25 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 46 tháng tù tại Bản án số: 20/2022/HS-PT ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 28 năm 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 02/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2022, bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm do hình phạt quá cao và chưa đúng người, đúng tội.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận được văn bản của Văn phòng luật sư Đức Năng về việc rút tư cách bào chữa của luật sư Lê Quốc K do có hành vi vi phạm Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, đang được Đoàn Luật sư Hà Nội xác minh làm rõ và văn bản của chị Đinh Thị Th (vợ bị cáo Hoàng Văn T) về việc từ chối luật sư bào chữa là Lê Quốc K và Dương Đức T thuộc văn phòng luật sư Đức Năng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo Hoàng Văn T nhất trí với việc gia đình từ chối, không mời luật sư Lê Quốc K và Dương Đức T bào chữa cho bị cáo; bị cáo cũng không đề nghị Hội đồng xét xử chỉ định luật sư và xác định sẽ tự bào chữa.

- Bị cáo Hoàng Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo, khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải về các hành vi phạm tội, thừa nhận có hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan nhà nước và hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Ngọc L số tiền 500.000.000đ. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

- Chị Đinh Thị Th (vợ bị cáo) xuất trình Biên lai thu tiền số AA/2021/0000792 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 31/8/2022 thể hiện đã nộp thay cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng để trả cho bị hại Lương Thị Thanh T1 theo quyết định của bản án sơ thẩm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:**

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Hoàng Văn T về các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cưỡng đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

+ Về hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thừa nhận biết giấy tờ xe là giả nhưng vẫn cầm cố tài sản, sau đó chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo cũng thừa nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp nốt số tiền bồi thường là 100 triệu đồng, đã khắc phục toàn bộ hậu quả của hành vi cưỡng đoạt tài sản; Công ty của bị cáo đã ủng hộ 100.000 chiếc khẩu trang phòng chống Covid19, được Hội chữ thập đỏ tỉnh Hải Dương ghi nhận.

Như vậy, với mỗi tội danh bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt bị cáo từ 07 - 08 năm tù, đối với tội Cưỡng đoạt tài sản áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 - 05 năm tù; đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức đề nghị áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt là 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là từ 14 năm 6 tháng tù đến 15 năm 6 tháng tù.

Đề nghị tổng hợp hình phạt đối với hình phạt 46 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 20/2022/HS-PT ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án về việc bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường 100.000.000 đồng cho chị Lương Thị Thanh T1 theo quyết định của bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã có 02 lần trả hồ sơ, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và xác định có thể xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 298



của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về việc xác định sự thật của vụ án và giới hạn của việc xét xử.

[1.2] Về hành vi của những người tiến hành tố tụng của các cơ quan tố tụng tại cấp sơ thẩm là hợp pháp, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến khiếu nại, tố cáo.

[1.3] Kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T trong thời hạn, có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị Ngọc L và chị Lương Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ.

[1.5] Về người bào chữa: Ngày 22/8/2022, Văn phòng luật sư Đức Năng có văn bản về việc rút tư cách bào chữa của luật sư Lê Quốc K do có hành vi vi phạm Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, đang được Đoàn Luật sư Hà Nội xác minh làm rõ; ngày 29/8/2022, chị Đinh Thị Th (vợ bị cáo Hoàng Văn T) có văn bản về việc từ chối luật sư bào chữa là Lê Quốc K và Dương Đức T thuộc văn phòng luật sư Đức Năng. Tại phiên tòa bị cáo có quan điểm nhất trí với việc gia đình từ chối luật sư và xác định sẽ tự mình bào chữa. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của bị cáo, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77, điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự nên tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung:**

### ***[2.1] Về tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:***

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận 02 hành vi này. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại là chị Lê Thị Ngọc L, phù hợp với lời khai của bị cáo tại biên bản làm việc ngày 05/01/2021 sau khi được trực tiếp xem các giấy tờ xe, bị cáo xác nhận biết là các giấy tờ giả (có cán bộ trại tạm giam chứng kiến), phù hợp với việc xe và giấy tờ thật mà chiếc xe bị cáo trúng đấu giá và đã đăng ký hợp pháp đã được bị cáo bán trước đó, phù hợp khách quan với các kết luận của cơ quan giám định, cụ thể:

- Tại bản Kết luận giám định số: 99 ngày 22/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (ký hiệu A1) là giả - giả phôi, hình dấu. Tem đăng kiểm (ký hiệu A2) là giả - giả tại phần biển số “34A-205.42”, giả hình dấu. Tem nộp phí sử dụng đường bộ (ký hiệu A3) là giả - giả hình dấu.

- Tại bản Kết luận giám định số: 91 ngày 24/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 435288 (ký hiệu A) là giả toàn phần - giả phôi, hình dấu, chữ ký.

- Tại bản Kết luận giám định số: 134 ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận:

+ 1. Về số khung số máy: Hàng chữ số: **~JTJBT20X340031836~** đóng chìm ở khung xe và hàng chữ số: **2UZ\*0801798\*** đóng chìm ở thân máy của xe ô tô gửi giám định ghi trên là các hàng chữ số được đục lại, đóng lại sau khi đã tẩy xóa các chữ số nguyên thủy của xe. Hàng chữ số nguyên thủy của xe là: Ở khung xe: **~JTJBT20XX80165006~**. Ở thân máy: Không xác định được.

+ 2. Biển số xe ô tô 34A-205.42: (01 biển ngắn; 01 biển dài) gửi tới giám định có đặc điểm dấu vết hằn dập cảnh sát hiệu, các chữ số khác với vết hằn dập, các chữ số ở biển số xe ô tô thật (*mẫu so sánh do PC01- Công an tỉnh Hải Dương cung cấp*).

***Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:***

- Khoảng năm 2018, Hoàng Văn T nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus 470 màu đen của Nguyễn Hoài L1, sinh 11/9/1982 ở huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (L1 đã chết) mang biển kiểm soát giả số 34A-305.42 cùng các loại giấy tờ giả gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 435288, tên chủ xe Hoàng Văn T, địa chỉ: 219 N, T, TP Hải Dương, biển số đăng ký: 34A - 205.42 cấp ngày 22/8/2017; 01 giấy chứng nhận kiểm định số KC 815149, biển đăng ký 34A - 205.42 cấp ngày 05/9/2019; 01 tem đăng kiểm; 01 tem nộp phí sử dụng đường bộ. Chiếc xe này cùng chủng loại, màu sắc với chiếc xe bị cáo trùng dấu giá nhưng số máy, số khung đã bị đục, dập số mới, không xác định được nguồn gốc; biển kiểm soát và giấy tờ được làm giả trùng với giấy tờ xe bị cáo trùng dấu giá và đăng ký trước đó mà bị cáo đã bán cho anh Lê Văn H1, sinh năm 1986 ở xã Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Do đó, việc bị cáo khai nhận tại phiên tòa phúc thẩm về việc đã biết chiếc xe ô tô không rõ nguồn gốc, số khung và số máy đã được đục lại, đóng lại sau khi đã tẩy xóa các chữ số nguyên thủy của xe không được phép lưu hành, biển kiểm soát số 34A-305.42 và giấy tờ theo xe đã cầm cố của Nguyễn Hoài L1 là giả phù hợp với thực tế khách quan.

- Sau khi nhận xe ô tô không rõ nguồn gốc và giấy tờ giả, bị cáo đã sử dụng xe ô tô, giấy tờ giả do L1 đưa để đi lại, ngoài ra còn có 02 lần thế chấp chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ giả theo xe cho chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 34G T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương để vay tiền sử dụng cho mục đích cá nhân mà không nói cho chị L biết về tình trạng xe và giấy tờ, cụ thể:

+ Lần 1: Vào ngày 03/7/2019, T thế chấp xe cùng toàn bộ giấy tờ giả theo xe cho chị L để vay số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 24/8/2019 T đã thanh toán trả cả gốc và lãi cho chị L để lấy xe ô tô cùng giấy tờ về sử dụng.

+ Lần 2: Vào ngày 09/9/2019, T gọi điện cho chị L đến nhà để vay 500 triệu, cầm cố xe ô tô 34A-205.42 cùng giấy tờ giả theo xe. T viết giấy bán xe theo mẫu do chị L rồi ký tên, đưa lại cho chị L giữ và lấy chìa khóa xe, giấy đăng ký, giấy đăng kiểm xe ô tô 34A- 205.42 giả đưa cho chị L. Anh Lê Ngọc Anh (*là em của chị L*) giao số tiền 500.000.000 đồng cho T. Chị L cầm giấy tờ xe rồi đi xe ô tô Lexus 470 đeo biển số giả 34A-205.42 ra về. Khi đến hạn và quá hạn trả nợ, chị L đã nhiều lần yêu cầu T trả tiền lãi và khoản nợ 500 triệu đồng nhưng T viện nhiều lý do khác nhau không thanh toán trả tiền cho chị L. Cơ quan điều tra đã xác minh thấy trong khoản thời gian từ 01/01/2020 đến

31/3/2020 tài khoản ngân hàng của T nhận được nhiều nguồn tiền khác nhau như bà Phạm Thị Lưu, sinh năm 1959 ở số 202 đường Thanh Niên, phường Quang Trung, thành phố H chuyển số tiền là 249.967.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1985 ở khu 10 phường Bình Hàn, thành phố H chuyển số tiền là 500 triệu đồng; ngày 19/11/2019 chị Hoàng Thị Hằng ở Bắc Giang chuyển 300 triệu đồng; ngày 29/11/2019 trong tài khoản của T có số tiền 206.300.000đ; ngày 03/6/2020 T nộp vào tài khoản số tiền 190 triệu đồng... số tiền có trong tài khoản T sử dụng, tiêu sài vào nhiều mục đích cá nhân, trong đó có sử dụng vào mục đích đánh bạc trực tuyến, mà không thanh toán trả nợ 500 triệu đồng và số tiền lãi cho chị L theo thỏa thuận thể hiện ý thức cố ý chiếm đoạt tài sản của chị L.

Do bị cáo T biết rõ xe không hợp pháp, biển kiểm soát và giấy tờ theo xe là giả nhưng vẫn cố ý mang đi cầm cố để vay tiền chị L mà không nói cho chị L biết về tình trạng xe và giấy tờ đã thể hiện ý thức, thủ đoạn gian dối của bị cáo có trước khi bị cáo nhận được và chiếm đoạt tài sản là số tiền 500.000.000 đồng của chị L. Phù hợp với việc chị L khẳng định nếu biết giấy tờ xe là giả sẽ không cho bị cáo T vay tiền. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là chính xác, đúng pháp luật.

Bị cáo đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 435288 là giả toàn phần (giả phôi, hình dấu, chữ ký); giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (ký hiệu A1) là giả (giả phôi, hình dấu); tem đăng kiểm là giả (giả tại phần biên số “34A-205.42”, giả hình dấu); tem nộp phí sử dụng đường bộ là giả (giả hình dấu) để sử dụng và lưu hành xe ô tô Lexus màu đen bị thu giữ không rõ nguồn gốc, đồng thời để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của bị hại đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan, tổ chức nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác để phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức đã xâm phạm đến 02 khách thể khác nhau được Bộ luật Hình sự bảo vệ (quy định tại Điều 174 và Điều 341 của Bộ luật Hình sự), có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm còn kết án bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chính xác, đúng pháp luật, phù hợp với hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019.

### ***[2.2] Về hành vi Cường đoạt tài sản:***

Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020, Hoàng Văn T biết chị Lương Thị Thanh T1 là người liên kết với Công ty cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh, địa chỉ tại xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nguy hại cho Công ty TNHH Shinyang Metal, địa chỉ khu Công nghiệp Đại An, T đã cùng Trần Khắc Q, Phùng Đức T3, Trần Thanh T2 điện thoại, gặp gỡ, đe dọa, gây sức ép buộc chị T1 phải nộp 30.000.000đ/tháng cho T thì mới được thu gom, vận chuyển rác, chị T1 sợ hãi đã phải chuyển cho Hoàng Văn T số tiền 130.000.000đ.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Hoàng Văn T và các đồng phạm (T1, T2, Q) về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, e (với T, Thúc), điểm d (với T1, Q) khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là chính xác, đúng pháp luật.

***[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T về việc đề nghị được giảm hình phạt:***

***[2.3.1] Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.***

Trong tội phạm này, bị cáo bị cáo thực hiện độc lập, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của bị hại số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có bố đẻ là người có công, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng; việc chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt với bị cáo là chưa đầy đủ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tội phạm bị cáo thực hiện có hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Với số tiền bị cáo chiếm đoạt ở mức khởi điểm quy định tại khoản 4 Điều 174, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại thì mức hình phạt 14 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để áp dụng thêm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

***[2.3.2] Đối với tội sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức.***

Trong tội phạm này, bị cáo thực hiện độc lập, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do có bố đẻ là người có công, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Tội phạm bị cáo thực hiện có hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt 04 năm tù với bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

***[2.3.2] Đối với tội Cưỡng đoạt tài sản.***



Các bị cáo T, T2, Q, T3 phải chịu trách nhiệm đồng phạm về tội Cường đoạt tài sản. Bản án sơ thẩm đã xác định đúng vị trí, vai trò của các đồng phạm, có phân hóa khi quyết định hình phạt. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo mới tác động gia đình nộp được số tiền 30.000.000 đồng trong tổng số tiền 130.000.000 đồng chiếm đoạt; bị hại là chị Lương Thị Thanh T1 đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có bố đẻ là người có công, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại dòng thứ 10 từ trên xuống, trang 11 của bản án sơ thẩm đã nhận định: “*Đến phần tranh luận, bị cáo T thừa nhận phạm tội Cường đoạt tài sản*” phù hợp với thể hiện quan điểm của bị cáo tại dòng thứ 5 đến 8 từ trên xuống trang 34 của Biên bản phiên tòa: “*Tôi nhất trí với các quan điểm của các luật sư đối với tội Cường đoạt tài sản. Đối với tội Lạm dụng tín nhiệm và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, tôi cũng nhất trí xác định tôi không phạm tội*”. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, trước đó đã tác động đến gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương số tiền 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại Lương Thị Thanh T1 theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và chấp nhận kháng cáo của bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Với những phân tích và nhận định nêu trên, sau khi quyết định hình phạt với từng tội phạm mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ quy định tại Điều 55 và 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, quyết định hình phạt chung mà bị cáo phải chấp hành hình phạt tại bản án này và bản án hình sự phúc thẩm số 20/2022/HS-PT ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo, bị cáo Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Văn T.

2. Sửa quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

2.1. Căn cứ Điều 15, Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.2. Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 05 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 03 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2.4. Căn cứ Điều 55, 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là 15 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 46 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 20/2022/HS-PT ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 19 năm 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2021.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn T không phải chịu.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm đối với chị Lương Thị Thanh T1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000792 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 31/8/2022.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.***

***Nơi nhận:***

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Thanh**